

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/HS-PT
Ngày 28 - 4 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đồng Chung

Các Thẩm phán: Ông Lê Quốc Hương và ông Lương Đức Dương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Trí là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 02/2020/TLPT-HS ngày 02 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXPT-HS ngày 06 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo Trần Thị Q do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 73/2019/HS-ST ngày 29-11-2019 của Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa (nay là thành phố Gia Nghĩa).

Bị cáo bị kháng nghị: Trần Thị Q, sinh năm 1986 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Tổ dân phố Z, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Anh T và bà Nguyễn Thị C; có chồng là Phạm Ngọc N và 03 con; tại ngoại - Có mặt.

Bị hại: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1990 và chị Võ Thị Thu N, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường Q, thành phố G, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Phạm Ngọc C, sinh năm 1980; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố R, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; chỗ ở hiện nay: Số nhà G, đường B, tổ Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 7-2017, vợ chồng anh Phạm Văn T và chị Võ Thị Thu N gặp và quen biết với Trần Thị Q. Chị N liên hệ với Q, trao đổi về việc mình đã tốt nghiệp Trung cấp sư phạm và muốn xin vào biên chế dạy học trong trường mầm

non trên địa bàn thành phố G. Sau khi trao đổi và thống nhất, Q yêu cầu chị N giao số tiền 130.000.000 đồng và hứa nhất định sẽ xin được vào biên chế dạy học tại Trường mầm non H, phường Q, thành phố G đồng thời Q hướng dẫn chị N lập 01 bộ hồ sơ xin việc gồm: Bằng tốt nghiệp, bằng điểm, giấy khám sức khỏe và một số giấy tờ khác liên quan.

Vào các ngày 06-9-2017 và 08-9-2017 tại nhà riêng của Trần Thị Q thuộc Tổ W, phường N, thành phố G, anh Phạm Văn T và chị Võ Thị Thu N giao cho Q số tiền 130.000.000 đồng và 01 bộ hồ sơ xin việc gồm các tài liệu như Q hướng dẫn. Việc giao nhận tiền được lập thành văn bản, nội dung Q nhận 130.000.000 đồng để lo cho chị N vào Trường mầm non H, trong thời gian 03 tháng từ 06-9-2017 đến 30-12-2017, nếu không xin được Q sẽ trả lại số tiền trên.

Quá hạn 03 tháng nhưng không nhận được quyết định đi làm và Trần Thị Q cũng không trả lại tiền, nên ngày 18-02-2019 anh Phạm Văn T và chị Võ Thị Thu N làm đơn tố cáo hành vi của Q.

Đối với số tiền 130.000.000 đồng và hồ sơ xin việc, Trần Thị Q khai đã giao lại cho anh Phạm Ngọc C, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ R, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để xin việc cho chị Võ Thị Thu N nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc giao nhận. Quá trình điều tra, xác minh anh C khai không có sự việc xảy ra như lời khai của Q.

Xác minh tại Ủy ban nhân dân thành phố G, Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố G và Trường mầm non H, phường Q, thành phố G cung cấp thông tin: Trong khoảng thời gian từ tháng 9-2017 đến tháng 12-2017, Ủy ban nhân dân thành phố G không có chỉ tiêu thi tuyển viên chức giáo viên, đối với hệ mầm non chỉ có chủ trương hợp đồng, không tuyển biên chế mới; Trong khoảng thời gian trên, tại trường mầm non H có 02 giáo viên hợp đồng theo chủ trương của Ủy ban nhân dân thành phố G nhưng không có ai là Võ Thị Thu N; tại Phòng Giáo dục và đào tạo thành phố G không có hồ sơ xin việc nào mang tên Võ Thị Thu N.

Bản kết luận giám định số: 40/GĐTL-PC09 ngày 02-4-2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ kết luận: Chữ viết phần nội dung và chữ viết, chữ ký mang tên Trần Thị Q trên giấy nhận tiền đề ngày 08-9-2017 so với chữ viết, chữ ký của Trần Thị Q là do cùng một người ký, viết ra.

Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu: 01 tờ giấy nhận tiền viết tay, lập ngày 08-9-2017 (*Bản gốc*).

Xét thấy, đây là tài liệu liên quan đến hành vi phạm tội nên phải lưu trong hồ sơ vụ án.

Phản dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, ngày 20-6-2019, Trần Thị Q đã bồi thường số tiền 130.000.000 đồng cho anh Phạm Văn T và chị Võ Thị Thu N. Sau khi nhận tiền, anh T chị N không có yêu cầu gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Q.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 73/2019/HS-ST ngày 29-11-2019 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa đã quyết định: Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị Q

phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 khoản 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị Q 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về vật chứng, về án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 30-12-2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông kháng nghị đề nghị không áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Thị Q mà áp dụng hình phạt tù có thời hạn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như tại giai đoạn điều tra và phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm d khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông không áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Thị Q mà áp dụng hình phạt tù có thời hạn.

Bị cáo Trần Thị Q đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Bản án hình sự sơ thẩm số: 73/2019/HSST ngày 29-11-2019 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa đã kết án bị cáo Trần Thị Q về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đề nghị không áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Thị Q mà áp dụng hình phạt tù có thời hạn, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Việc Tòa án cấp sơ thẩm cho bị cáo được hưởng án treo là không vi phạm tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Tuy nhiên, trong thời gian gần đây, tình trạng lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác bằng hình thức đưa ra thông tin gian dối để nhận tiền xin việc làm đã và đang diễn ra rất nhiều trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức hình phạt 02 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo là chưa đủ nghiêm, chưa tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra và chưa đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 73/2019/HS-ST ngày 29-11-2019 của Tòa án

nhân dân thành phố Gia Nghĩa, áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo Trần Thị Q. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Đối với các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm d khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 73/2019/HS-ST ngày 29-11-2019 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa về phần hình phạt. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt, Trần Thị Q 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ I);
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- CQTHAHS Công an tỉnh Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh Đ;
- CQCSĐT Công an tp. Gia Nghĩa;
- TAND tp. Gia Nghĩa;
- VKSND tp. Gia Nghĩa;
- CQTHAHS Công an tp. G;
- Chi cục THADS tp. G;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Tổ HCTP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Đỗ Đồng Chung